

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2024/DS-PT

Ngày: 18/01/2024

V/v: Kiện đòi tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Quế và bà Trần Thị Nhài

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thuỷ Ngân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:

Bà Dương Thị Hương Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 126/2024/TLPT - DS ngày 02 tháng 11 năm 2023 về “Tranh chấp kiện đòi tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2023/DSST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đặng Thị M, sinh năm 1976

Địa chỉ: Xóm V, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

2. Bị đơn: Bà Trạc Thị H, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Xóm V, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Phạm Thị Ngọc Q, sinh năm 1998 và anh Phạm Đức D, sinh năm 2004.

Cùng địa chỉ: Xóm V, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Bà M, bà H có mặt; chị Q, anh D vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Trạc Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn, bà Đặng Thị M khởi kiện yêu cầu bà Trạc Thị H phải trả lại số tiền còn nợ khi giao dịch mua bán chè với ông Phạm Thế A (chồng bà M, đã chết năm 2017), được ghi trong sổ chót nợ tính đến ngày 04/12/2017 dương lịch (tức ngày 24/10/2017 âm lịch) là **20.040.000 đồng**. Phía bị đơn bà Trạc Thị H xác định bà còn nợ tiền mua bán chè với ông Phạm Thế A là 20.040.000 đồng là

đúng, tuy nhiên sau khi ông A chết, bà đã trả dần cho bà M được 13.250.000đ, hiện bà chỉ còn nợ bà M số tiền 6.790.000 đồng (*Sáu triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng*) và bà có thỏa thuận với bà M là sẽ trả dần không có thời hạn. Nay bà M khởi kiện đòi số tiền 20.040.000 đồng (*Hai mươi triệu không trăm bốn mươi nghìn*), bà không đồng ý. Đối với lãi suất, bà M không yêu cầu, bà hoàn toàn nhất trí.

Với nội dung nêu trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 20/2023/DSST ngày 29/9/2023, Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ đã xét xử và quyết định: Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1, Điều 39, Điều 147, 227, 271, 273, 482, 483 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166, 210, 212, 213, 274, 275, 276, 280, 357, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ- ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/ NQ-UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị M khởi kiện Bà Trạc Thị H về việc “*Kiện đòi tài sản*”.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị M đối với việc kiện đòi bà Trạc Thị H số tiền 76.300.000 đồng (*Bảy mươi sáu triệu ba trăm nghìn đồng*) do bà M xin rút một phần yêu cầu khởi kiện.

3. Buộc Bà Trạc Thị H phải có nghĩa vụ trả bà Đặng Thị M số tiền gốc là **20.040.000 đồng (*Hai mươi triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng*)** theo sổ ghi nợ ngày 04/12/2017. Bà Đặng Thị M được nhận **20.040.000 đồng (*Hai mươi triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng*)** do Bà Trạc Thị H phải có nghĩa vụ trả.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, bà Đặng Thị M có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), nếu bà Trạc Thị H không tự nguyện thi hành số tiền phải trả cho bà M như nêu trên thì hàng tháng bà H còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền và Điều 468 Bộ luật dân sự về lãi suất, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác .

4. Về án phí: Bà Trạc Thị H phải chịu **1.002.000 đồng (*Một triệu không trăm linh hai nghìn đồng*)** án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nộp vào Ngân sách nhà nước. Hoàn trả bà Đặng Thị M **2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*)** tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tiền số 000 3798 ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và yêu cầu quyền thi hành án của các đương sự.

Ngày 10/10/2023, bà Trạc Thị H có đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị M. Kèm theo đơn kháng cáo bà H gửi 02 bản gốc viết tay, theo bà là các giấy nhận tiền nợ do tự tay bà Đặng Thị M viết.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà M thừa nhận 02 giấy viết tay do bà H nộp đúng là chữ viết của bà. Tuy nhiên đó không phải là khoản tiền bà H trả nợ theo sổ chót nợ tính đến ngày 04/12/2017 dương lịch (tức ngày 24/10/2017 âm lịch), mà đây là khoản tiền giao dịch mua bán chè mới trực tiếp giữa bà M và bà H.

Còn bà H khẳng định, giữa bà và bà M hoàn toàn không có giao dịch mua bán chè với nhau, số tiền được tự tay bà M ghi trong 02 giấy viết tay là tiền bà đã trả dần khoản nợ tiền chè 20.040.000đ, cụ thể:

+ Giấy ghi ngày 30/12/2018 là 2.000.000đ;

+ Giấy thứ hai không ghi ngày có nội dung “M thế lấy 2 lần 4 triệu + 2000; 5kg x 250 =” thì được hiểu: bà M đã nhận 8.000.000đ và tiền chè 1.250.000đ, còn con số 2000 không phải là 2000đ mà là 2.000.000đ, nhưng bà nhất trí trừ khoản này đi vì không có căn cứ chứng minh. Như vậy, tổng số tiền bà M đã nhận là $(2.000.000đ + 8.000.000đ + 1.250.000đ) = 11.250.000đ$, số tiền bà còn nợ bà M là $20.040.000đ - 11.250.000đ = 8.790.000đ$ (**tám triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng**).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh phát biểu về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trạc Thị H, sửa bản án sơ thẩm; bà H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nghe lời trình bày, tranh luận của các đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Hội đồng xét xử nhận xét:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm cả nguyên đơn và bị đơn đều nhất trí xác định: Tính đến ngày 04/12/2017 dương lịch (tức ngày 24/10/2017 âm lịch) bà Trạc Thị H (bị đơn) còn nợ tiền mua chè của vợ chồng bà Đặng Thị M (nguyên đơn) số tiền 20.040.000đồng (*Hai mươi triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng*).

[2.] Bà M thừa nhận 02 giấy viết tay (bản gốc) do bà H nộp kèm theo đơn khởi kiện là chữ viết của bà. Bà thừa nhận, đã nhận số tiền nợ 2.000.000 đồng tại giấy đề ngày 30/12/2018. Còn tại giấy thứ hai không đề ngày, bà xác định bà có nhận hai lần tiền và mỗi lần là 2.000.000đ, cộng thành 4.000.000đ, chứ không phải là số tiền 8.000.000đ như bà H đã tính; còn nội dung ghi “5kg x 250

=” là do người nhà bà có lấy chè của bà H và bà ghi vào với mục đích trừ vào khoản tiền chè bà H đang còn nợ, nhưng sau đó người nhà bà đã trực tiếp trả tiền mặt cho bà H, nên bà không đồng ý trừ nợ nữa. Ngoài lời khai thì bà M không có căn cứ nào để chứng minh về việc người nhà bà đã trả tiền chè cho bà H.

[3] Bà H không đồng ý với lời khai của bà M và xác định bà M đã trừ dần khoản nợ 20.040.000đ bằng 02 giấy nhận tiền do bà M tự viết nêu trên. Bà xác định bà đã trả dần cho bà M khoản nợ mua chè giữa bà và ông Thế A với tổng số tiền là 11.250.000đ, hiện nay bà chỉ còn nợ bà M số tiền 8.790.000đ (*tám triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng*).

[4] Hội đồng xét xử thấy rằng, từ lời khai của các đương sự tại phiên tòa hôm nay và các chứng cứ do các đương sự giao nộp đủ căn cứ xác định, tính đến ngày 04/12/2017 dương lịch (tức ngày 24/10/2017 âm lịch) bà Trạc Thị H còn nợ tiền mua chè của vợ chồng bà Đặng Thị M là 20.040.000đồng. Sau đó, bà H đã thanh toán được cho bà M vào ngày 30/12/2018 là 2.000.000đ. Tiếp đó, tại giấy biên nhận không đề ngày, bà H đã trả được số tiền “Mai thế lấy 2 lần 4 triệu” được hiểu là 4.000.000đ và 1.250.000đ tiền 5kg chè (5kg x 250 =). Như vậy, tổng số tiền nợ sau ngày 04/12/2017 thì bà Trạc Thị H đã trả được cho bà Đặng Thị M số tiền 7.250.000đ (= 2.000.000đ + 4.000.000đ + 1.250.000đ), số tiền bà H còn nợ phải tiếp tục trả cho bà M là **12.790.000đ** (*Mười hai triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng*).

[5] Số tiền nợ theo yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị M được xác định là số tiền nợ trong giao dịch mua bán Chè giữa ông Phạm Thế A (chồng bà M) và bà H, nay ông Thế A đã chết không có di chúc, do vậy những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Thế A là vợ và các con. Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa 02 con chung giữa bà M và ông Thế A vào tham gia tố tụng là có căn cứ, tuy nhiên trong hồ sơ không có lời khai của những người này và cũng không có văn bản nào thể hiện họ đồng ý giao kỷ phần thừa kế của họ cho bà Đặng Thị M, việc Tòa án cấp sơ thẩm chỉ buộc bà Trạc Thị H trả số tiền đó cho một mình bà M là chưa đầy đủ, nên cần sửa nội dung này.

[6] Từ những phân tích trên thấy có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trạc Thị H, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 20/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Buộc bà Trạc Thị H có trách nhiệm trả cho bà Đặng Thị M, chị Phạm Thị Ngọc Q, anh Phạm Đức D số tiền **12.790.000đ** (*Mười hai triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

[7] Về án phí: Do kháng cáo của bà H được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện được chấp nhận của bà M. Bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận.

[8] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà H, sửa bản án sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309; Điều 148 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 166, 210, 212, 213, 274, 275, 276, 280, 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trạc Thị H, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 20/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị M khởi kiện Bà Trạc Thị H về việc “Kiện đòi tài sản”.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị M đối với việc kiện đòi bà Trạc Thị H số tiền 76.300.000 đồng (*Bảy mươi sáu triệu ba trăm nghìn đồng*) do bà M xin rút một phần yêu cầu khởi kiện.

3. Buộc bà Trạc Thị H phải có nghĩa vụ trả bà Đặng Thị M, chị Phạm Thị Ngọc Q, anh Phạm Đức D số tiền **12.790.000đ** (*Mười hai triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng*) theo sổ ghi nợ ngày 04/12/2017.

- Bà Đặng Thị M, chị Phạm Thị Ngọc Q, anh Phạm Đức D được nhận số tiền **12.790.000đ** (*Mười hai triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng*) do bà Trạc Thị H phải có nghĩa vụ trả.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), nếu bà Trạc Thị H không tự nguyện thi hành số tiền phải trả như nêu trên thì hàng tháng bà H còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền và Điều 468 Bộ luật dân sự về lãi suất, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác .

4. Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm:

4.1. Về án phí sơ thẩm: Bà Trạc Thị H phải chịu **639.500 đồng** (*Sáu trăm ba mươi chín nghìn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nộp vào Ngân sách nhà nước. Bà Đặng Thị M phải chịu 362.500 đồng (*Ba trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí

2.500.000 đồng đã nộp, theo biên lai thu tiền số **000 3798 ngày 22 tháng 6 năm 2023** của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, bà M được nhận lại số tiền **2.137.500đồng (Hai triệu một trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng)**.

4.2. Về án phí phúc thẩm: Bà Trạc Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp, theo biên lai thu số 0006972 ngày 10/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Trình hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND huyện Đồng Hỷ;
- Chi cục THADS huyện Đồng Hỷ;
- Văn phòng Tòa án tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tòa dân sự.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thủy

